

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**KHOA XÂY DỰNG**

**SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378**

**LỚP HỌC PHẦN: CIE 378E**

**GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU**

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI $q_s^{tc}$ (kN/m <sup>2</sup> )	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
1	1921613467	Nguyễn Đình	An	17/07/1994	CIE378E	6,0	11,5	16,0	CCT34	N42
2	1921413641	Lê Hồng	Anh	12/1/1995	CIE378E	6,5	12,0	16,5	CCT34	N42
3	171216214	Thái Duy	Bảo	25/09/1993	CIE378E	7,0	12,5	17,0	CCT34	N42
4	2021616713	Lê Ngọc	Bình	2/4/1996	CIE378E	7,5	13,0	17,5	CCT34	N42
5	1921623505	Nguyễn Hoàng Lâm	Chi	11/10/1995	CIE378E	8,0	10,5	18,0	CCT34	N42
6	1921627853	Lê Văn	Cường	17/08/1994	CIE378E	5,0	11,0	18,5	CCT38	N42
7	1921618935	Ngô Thành	Đạt	8/2/1995	CIE378E	5,5	11,5	19,0	CCT38	N42
8	1821414098	Nguyễn Văn	Dương	13/07/1994	CIE378E	6,0	12,0	19,5	CCT38	N42
9	1921623520	Nguyễn Văn	Đường	6/11/1995	CIE378E	6,5	12,5	15,0	CCT38	N42
10	2021617183	Lê Hoàng	Hà	26/04/1996	CIE378E	7,0	13,0	15,5	CCT38	N42
11	1821415216	Nguyễn Văn	Hiệp	2/6/1994	CIE378E	7,5	10,0	16,0	CCT42	N42
12	2021617788	Nguyễn Đại	Hiệp	25/05/1995	CIE378E	8,0	10,5	16,5	CCT42	N42
13	2021614114	Trương Mạnh	Hiếu	10/1/1996	CIE378E	5,0	11,0	17,0	CCT42	N42
14	182161517	Đỗ Trung	Hoàng		CIE378E	5,5	11,5	17,5	CCT42	N42
15	2021167546	Nguyễn Hữu	Hoàng	4/4/1996	CIE378E	6,0	12,0	18,0	CCT42	N42
16	2021624259	Thần Nguyễn Nhật	Hoàng	5/2/1996	CIE378E	6,5	12,5	18,5	CCT34	N46
17	2021626621	Trần Đức	Hoàng	4/12/1996	CIE378E	7,0	13,0	19,0	CCT34	N46
18	2021626889	Lê Thế	Hoành	4/11/1996	CIE378E	7,5	10,0	19,5	CCT34	N46
19	2020612987	Phạm Xuân	Huân	20/02/1996	CIE378E	8,0	10,5	15,0	CCT34	N46
20	1821415833	Lê Công	Hướng	12/6/1994	CIE378E	5,0	11,0	15,5	CCT34	N46
21	152232973	Trần Khánh	Linh	8/5/1989	CIE378E	5,5	13,0	16,0	CCT38	N46
22	1921623524	Bành Xuân	Luân	22/08/1995	CIE378E	6,0	10,0	16,5	CCT38	N46
23	1921623525	Lê Hùng	Mạnh	26/08/1993	CIE378E	6,5	10,5	17,0	CCT38	N46
24	1921618148	Đặng Vũ	Minh	1/3/1995	CIE378E	7,0	11,0	17,5	CCT38	N46
25	2021615088	Võ Văn	Nghĩa	20/11/1996	CIE378E	7,5	11,5	18,0	CCT38	N46
26	1921623481	Nguyễn Văn	Phúc	6/3/1995	CIE378E	5,0	12,0	18,5	CCT42	N46
27	1821414755	Hồ Thiện	Quang	10/8/1993	CIE378E	5,5	12,5	19,0	CCT42	N46
28	1921623475	Lê Minh	Quang	7/4/1994	CIE378E	6,0	13,0	19,5	CCT42	N46
29	2021614857	Nguyễn Thế	Quang	1/4/1994	CIE378E	6,5	10,0	15,0	CCT42	N46
30	2021113432	Hoàng Ngọc	Quốc	13/09/1996	CIE378E	7,0	11,5	15,5	CCT42	N46
31	1921613452	Nguyễn Văn	Thần	1/1/1995	CIE378E	7,5	12,0	16,0	CCT34	N42
32	1921413568	Kiều Minh	Thắng	13/04/1995	CIE378E	8,0	12,5	16,5	CCT34	N42
33	2021610880	Ngô Tú	Thiên	20/11/1996	CIE378E	5,0	13,0	17,0	CCT34	N42
34	1921623498	Nguyễn Thanh	Thiện	22/01/1995	CIE378E	5,5	10,5	17,5	CCT34	N42
35	2021250651	Nguyễn Trung	Thịnh	18/02/1996	CIE378E	6,0	11,0	18,0	CCT34	N42
36	2020615720	Đoàn Văn	Thông	17/11/1996	CIE378E	6,5	11,5	18,5	CCT38	N42
37	2010612912	Đặng Khánh	Thường	8/10/1996	CIE378E	7,0	12,0	19,0	CCT38	N42
38	2021613653	Võ Minh	Tiên	26/03/1995	CIE378E	7,5	12,5	19,5	CCT38	N42
39	1921629610	Trần Vũ	Toàn	26/02/1994	CIE378E	8,0	13,0	15,0	CCT38	N42
40	1921413529	Hồ Thanh	Tòng	2/10/1990	CIE378E	5,0	10,0	15,5	CCT38	N42
41	172237500	Huỳnh Bá	Trường	6/2/1992	CIE378E	5,5	10,5	16,0	CCT42	N42
42	172237501	Trịnh Công	Truyền	12/11/1992	CIE378E	6,0	11,0	16,5	CCT42	N42
43	1921623518	Phạm Phú	Viên	14/09/1995	CIE378E	6,5	11,5	17,0	CCT42	N42
44	1921611922	Hoàng Quốc	Việt	22/04/1995	CIE378E	7,0	12,0	17,5	CCT42	N42
45	1921620955	Cao Văn	Việt	7/4/1994	CIE378E	7,5	12,5	18,0	CCT42	N42
46	2021625814	Lê Văn	Việt	21/06/1994	CIE378E	8,0	13,0	18,5	CCT34	N42
47	1921623484	Võ Duy	Vũ	17/01/1994	CIE378E	5,0	10,0	19,0	CCT34	N42
48	1921613392	Nguyễn Minh	Vương	1/3/1995	CIE378E	5,5	10,5	19,5	CCT34	N42
49	2020712765	Nguyễn Minh	Xuân	26/11/1996	CIE378E	6,0	11,0	15,0	CCT34	N42
50					CIE378E	6,0	12,0	18,0	CCT38	N42